

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

-----\*\*\*-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----☆☆☆-----

Bản án số: 139/2022/HSPT

Ngày: 21/3/2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Hạnh;

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Minh Tuấn;

Ông Đặng Văn Hưng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vy Minh Huyền, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2020/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**Nguyễn Trung K**, sinh ngày 06/2/1974; nơi cư trú: Thôn Tiên P, xã Thanh T, huyện Bó T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim H (đã chết) và bà Nguyễn Thị O; có vợ là Lưu Thị H1 và 04 con chung, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/9/2020 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Đặng Thị Vân T - Văn phòng Luật sư Kết N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Lưu Thị H1, sinh năm 1979; trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

**\* Người bị hại:**

+ Ông Lương Trung T1, sinh năm 1956; trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Hà Văn X, sinh năm 1963; trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Hà Văn Q, sinh năm 1965; trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Lô Văn T2, sinh năm 1972; trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Lương Thị T3, sinh năm 1986; trú tại: Bản Na C, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Ông Lương Văn T4, sinh năm 1971; trú tại: Bản Hỏa N, xã Đồng V, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2011 đầu năm 2012, Nguyễn Trung K biết Công ty cổ phần S đang có nhu cầu tuyển lao động theo Chương trình 30a, Quyết định 71 ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ nên nảy sinh ý định làm giả con dấu của Công ty cổ phần S để đến các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyển người đi lao động tại nước ngoài. K đến gặp một người đàn ông (không xác định được tên, địa chỉ cụ thể) tại phường Trường T, thành phố V thuê làm giả 01 con dấu của Công ty cổ phần S, 01 con dấu chức danh Tổng giám đốc Nguyễn Thiện M và 01 con dấu chức danh Phó giám đốc Nguyễn Trung K với số tiền là 6.000.000 đồng (K đưa mẫu dấu của Công ty cổ phần S cho người đó xem và làm đúng như vậy). Sau khi có các con dấu giả nêu trên, K thuê nhà tại khối 2 thị trấn Kim S, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An làm văn phòng; thuê chị Lô Thị H2, sinh năm 1993, trú tại: Bản Ná N, xã Mường N, huyện Quế P, tỉnh Nghệ An làm cán bộ tuyển dụng. Sau đó, K sử dụng các con dấu giả trên làm giả các tài liệu của Công ty cổ phần S, gồm: Quyết định số 623 ngày 25/7/2011 về việc điều động và bổ nhiệm Nguyễn Trung K giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty xuất khẩu lao động S, Bản phân công công tác số 22 ngày 20/9/2013 về việc thực hiện chương trình xuất khẩu lao động rồi đưa đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Quế P, tỉnh Nghệ An nộp để làm giấy giới thiệu, ông Nguyễn Đậu L - Trưởng Phòng Lao động thương binh, xã hội huyện Quế P tin tưởng đó là các giấy tờ của Công ty cổ phần S nên đã cấp giấy giới thiệu cho K đến các xã trên địa bàn huyện Quế P để tuyên truyền, vận động người dân đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính Phủ. Sau khi được cấp giấy giới thiệu, K đã đến các xã trên địa bàn huyện Quế P tuyên truyền, vận động người dân đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong số những người đăng ký đi lao động xuất khẩu, K đã nhận tiền,

hồ sơ nhưng không thực hiện theo cam kết và chiếm đoạt tiền của 06 người, cụ thể:

Từ năm 2011 đến năm 2016, K đã làm giả 06 bản cam kết của Công ty cổ phần S để lừa làm thủ tục xuất khẩu lao động cho 06 người, gồm anh Lương Văn T5 (sinh năm 1996, trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V); anh Lương Văn T6 (sinh năm 1996, trú tại: Bản Pù K, xã Đồng V); anh Lô Văn M1 (sinh năm 1994, trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V); anh Hà Văn Q1 (sinh năm 1993, trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V); chị Lương Thị T3 (sinh năm 1994, trú tại: Bản Đồng M, xã Đồng V); anh Vi Văn C (sinh năm 1987, trú tại: Bản Ná C, xã Đồng V) và tự ký vào văn bản đại diện công ty, dùng con dấu giả đóng vào các bản cam kết, đưa cho những người ký hợp đồng lao động, nhằm tạo sự tin tưởng trong quá trình tuyển lao động. K lập hồ sơ giả để giải ngân vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội huyện Quế P cho 06 người trên. Khi những người đăng ký đi xuất khẩu lao động vay được vốn ngân hàng, K làm phiếu thu giả thu của 06 gia đình trên, gồm: Ông Lương Trung T1 (bố của anh T5) 150.000.000 đồng, ông Hà Văn X (bố chồng của chị T3) 120.000.000 đồng, ông Hà Văn Q (bố của anh Q1) 140.000.000 đồng, ông Lô Văn T2 (bố của anh M1) 150.000.000 đồng, chị Lương Thị T3 (vợ của anh C) 120.000.000 đồng, ông Lương Văn T4 (bố của anh T6) 120.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của 06 người trên là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu), K đã sử dụng mua xe ô tô, mua đất và chi tiêu cho cá nhân.

Tại Kết luận giám định số 272/KTHS ngày 11/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Chữ ký, hình dấu tròn đóng trên các bản hợp đồng đưa lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan và bản phân công công tác do K cung cấp không phải là chữ ký của ông Nguyễn Thiện M - Tổng giám đốc và không phải con dấu do Công ty cổ phần S đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 142/KL- PC54(GĐKTHSTT) ngày 19/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Hình dấu tròn đóng trên các bản cam kết, phiếu thu do K đưa cho người bị hại không phải con dấu do Công ty cổ phần S đóng ra.

Tại Kết luận giám định số 157/KL - PC09(Đ3) ngày 06/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An, kết luận: Hình dấu tròn đóng trên các bản cam kết, phiếu thu do K đưa cho người bị hại và hình dấu tròn Công ty cổ phần S đã thu giữ của Nguyễn Trung K là do một con dấu đóng ra.

Về vật chứng:

- 01 (một) Con dấu Công ty cổ phần S, 01 con dấu chức danh Tổng giám đốc Nguyễn Thiện M và 01 con dấu chức danh phó giám đốc Nguyễn Trung K thu giữ của Nguyễn Trung K được bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An.

- Các giấy tờ giả được thu thập tại hồ sơ vụ án.
- Giấy giới thiệu của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Quế Phong hiện không thu hồi được.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, K đã trả cho các bị hại 420.000.000 đồng, gồm: Anh T1 120.000.000 đồng, anh Q 120.000.000 đồng, anh T2 60.000.000 đồng, chị T3 60.000.000 đồng, anh T4 60.000.000 đồng. Nay các bị hại yêu cầu trả lại tổng số tiền còn lại là 380.000.000 đồng, gồm: anh T1 30.000.000 đồng, anh Q 30.000.000 đồng, anh T2 80.000.000 đồng, chị T3 60.000.000 đồng, anh T4 60.000.000 đồng, anh X 120.000.000 đồng.

Đối với anh Ngân Văn H3 và anh Lương Văn T7 là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan năm 2015 đã đưa cho bị cáo K mỗi người 150 triệu đồng để đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Bị cáo K đã làm hồ sơ thủ tục tại Văn phòng kinh tế và văn hóa Đài Bắc, nhưng anh T7 và anh H3 không đi theo lịch nên bị cáo K đã trả lại cho mỗi người 120 triệu đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2020/HSST ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, q, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung K 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam ngày 28/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Trung K bồi thường cho:

- Ông Lương Trung T1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu);
- Ông Hà Văn X 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu);
- Ông Hà Văn Q 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu);
- Ông Lô Văn T2 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu);
- Chị Lương Thị T3 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu);
- Ông Lương Văn T4 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu);

Tổng cộng: 340.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi triệu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2020, bị cáo Nguyễn Trung K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bị cáo không làm con dấu giả và khi nhận tiền của 06 người đi xuất khẩu lao động, ngoài phiếu thu của công ty thì bị cáo còn làm bản

cam kết kiêm giấy vay tiền để không xuất cảnh được thì được phép trả dân, nhưng không được Tòa án sơ thẩm xem xét dẫn đến việc tuyên bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không thỏa đáng. Đồng thời, chưa xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo có nhân thân tốt, bố mẹ có công với cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung K thay đổi kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt và trình bày sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho người bị hại và những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K thống nhất về tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo K đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đã thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tích cực bán hết tài sản của gia đình để bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho người bị hại, được người bị hại xác nhận và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo được tỉnh Đoàn Nghệ An xác nhận là tấm gương thanh niên dũng cảm, cứu người chết đuối trong trận lũ lịch sử năm 1997 và được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid 19, có hoàn cảnh gia đình khó khăn (bị cáo bị chấn thương sọ não do tai nạn gây hậu quả bị bệnh động kinh). Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, vật chứng thu giữ được đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại và bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức do bị chấn thương sọ não để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung K xuất trình biên lai nộp tiền án phí sơ thẩm, đơn xin giảm nhẹ hình phạt của những người bị hại; những người bị hại cũng có giấy xác nhận bị cáo K đã bồi thường hết số tiền chiếm đoạt; UBND xã Thanh T, huyện Quảng Bình xác nhận bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bị cáo có giấy xác nhận thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid. Đây là các tình tiết mới xuất trình tại Tòa án cấp phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm hình phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” cho bị cáo K. Đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo theo hướng như đã phân tích nêu trên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung K thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Trung K không có chức năng môi giới, tuyển dụng người đi xuất khẩu lao động, nhưng bị cáo K đã thuê làm giả con dấu của Công ty CP S, 01 con dấu chức danh Tổng Giám đốc Nguyễn Thiện M và 01 con dấu chức danh Phó Giám đốc Nguyễn Trung K với số tiền là 6.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo K đã sử dụng các con dấu giả trên để làm giả Quyết định số 623/Simco-THHC ngày 25/7/2011 về việc bổ nhiệm Nguyễn Trung K giữ chức danh Phó Giám đốc công ty và Bản phân công công tác số 22/PCCT ngày 20/9/2013 về việc thực hiện chương trình xuất khẩu lao động của Công ty xuất khẩu lao động S để tạo lòng tin, dễ dàng trong việc tuyển lao động; sử dụng con dấu giả đóng vào các bản cam kết giữa đại diện Công ty CP S với người lao động, các bản hợp đồng đưa lao động đi làm việc có thời hạn tại Đài Loan, giấy đề nghị phát tiền vay trực tiếp, phiếu thu tiền của Công ty CP S làm cho người bị hại tin tưởng đưa tiền cho bị cáo K để chiếm đoạt của 06 người bị hại với tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Khi sự việc bị phát hiện, bị cáo K đã khắc phục trả cho một số người bị hại với tổng số tiền là 420.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Trung K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trung K, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Bị cáo Nguyễn Trung K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm, bị cáo K đã khắc phục hậu quả, bồi thường một phần cho người bị hại; bị cáo đang có bệnh hạn chế khả năng nhận thức và gia đình bị cáo có công với Cách mạng nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt Nguyễn Trung K mức án 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung K xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo K đã bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho người bị hại, được những người bị hại xác nhận và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. UBND xã Thanh T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình có văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo đang bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức do bị chấn

thương sọ não khi bị tai nạn giao thông; bị cáo có giấy xác nhận có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid-19 và có xác nhận của Tỉnh đoàn Nghệ An (số 16/KT ngày 05/10/1998) về việc Nguyễn Trung K là thanh niên dũng cảm, cứu người đuối nước trong trận lũ lịch sử tháng 8/1997, đồng thời xuất trình biên lai nộp tiền án phí sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo Nguyễn Trung K có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo K có thêm nhiều tình tiết mới đặc biệt là tình tiết bị cáo đã bồi thường hết cho tất cả người bị hại và những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giảm một phần hình phạt cho bị cáo K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Trung K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 138/2020/HS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 BLHS năm 2015 xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung K 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam ngày 28/9/2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Xác nhận bị cáo Nguyễn Trung K đã bồi thường xong cho những người bị hại là các ông, bà Hà Văn X, Lương Trung T1, Hà Văn Q, Ngô Văn T8, Lương Thị T3 và Lương Văn T4 theo Giấy thanh toán ngày 18/3/2022.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Trung K đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0009141 ngày 18/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo K (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ; phòng HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Hạnh**



